TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 161/2023/DS-ST
Ngày 23-11-2023
V/v tranh chấp về thừa kế tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Văn Tài.
Các Hội thẩm nhân dân:
Ông Cao Hoài Hiêm.
Ông Trần Văn Hùng.

***- Thư ký phiên tòa*:** Bà Bùi Thị Hạnh - Thư ký Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên toà*:** Ông Lý Trọng Đại – Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 241/2022/TLST-DS ngày 19/12/2022 về "Tranh chấp về thừa kế tài sản", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 76/2023/QĐXX-ST ngày 30 tháng 9 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị R, sinh năm 1958, địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

Bị đơn: Bà Nguyễn Thị X, sinh năm 1960, địa chỉ: Khu phố C, phường D, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Có mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Ông Nguyễn Văn G, sinh năm 1952; địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, có đơn xin.
- Bà Nguyễn Thị B, sinh năm 1954; địa chỉ: Khu phố G, phường T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, có đơn xin.
- Bà Lâm Thị N, sinh năm 1945, địa chỉ: Khu phố L, phường M, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, có đơn xin.
- Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1951, địa chỉ: Khu phố G, phường T, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, có đơn xin.
- Ông Nguyễn Văn M, sinh năm 1969, địa chỉ: Khu phố B, phường R, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt.
- Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1943, địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, có đơn xin.
- Ông Nguyễn Văn R, sinh năm 1943, địa chỉ: Khu phố A, phường B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, có đơn xin.

- Bà Nguyễn Thị Th, sinh năm 1948; địa chỉ: Ấp B, xã T, huyện Bến Cầu, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, có đơn xin.

- Chị Nguyễn Thị Gh, sinh năm 1983; Khu phố A, phường B, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; Vắng mặt, có đơn xin.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị R trình bày: Cha bà là cụ Nguyễn Văn Hải (tên thường gọi là Hài), đã chết năm 1986, mẹ bà là cụ Nguyễn Thị Nương, đã chết năm 2016. Cha mẹ bà có 02 người con chung là bà và bà Nguyễn Thị X. Trước khi chung sống với cụ Hải thì cụ Nương đã từng chung sống với 02 người khác gồm:

- Cụ Lâm Văn Nghé, đã chết gần 80 năm, cụ Nương và cụ Nghé có 02 người con chung là bà Lâm Thị N và ông Lâm Văn Đôn (đã chết trước năm 1975, có vợ là bà Nguyễn Thị Cở, đã chết trước năm 1975, ông Đôn và bà Cở có 01 người con chung là ông Nguyễn Văn G);

- Cụ Nguyễn Văn Bạch (đã chết năm 1952, cụ Nương và cụ Bạch có 02 người con chung là bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn Hải (Xà) (đã chết trong chiến tranh, không có vợ con).

Cụ Nguyễn Văn Hải, trước khi chung sống với cụ Nương đã có một đời vợ là cụ Nguyễn Thị Chàng, đã chết năm 1956. Cụ Hải và cụ Chàng có 07 người con gồm: Bà Nguyễn Thị Suối (đã chết, chồng con đều đã chết hết), bà Nguyễn Thị Hở (đã chết, chồng con đều đã chết hết), ông Nguyễn Văn Gi, bà Nguyễn Thị Th, bà Nguyễn Thị B (Th), ông Nguyễn Văn R (R1), ông Nguyễn Văn C.

Khi còn sống cụ Nương có thừa hưởng của cha mẹ diện tích đất là 3.443m^2, thửa 173, tờ bản đồ 14, tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, cụ Nương sống chung với bà X và xây dựng nhà ở trên đất. Sau khi cụ Nương chết thì toàn bộ tài sản do bà X quản lý, sử dụng. Cụ Nương chết không để lại di chúc. Trước đây, các anh chị em bà đã thỏa thuận phân chia di sản của cha bà chết để lại cho các anh chị em xong.

Nay bà yêu cầu Tòa án xem xét phân chia di sản thừa kế của cụ Nương chết để lại theo quy định của pháp luật đối với phần đất có diện tích 3.443m^2, thửa 173, tờ bản đồ 14 (BĐ 2005), tương ứng các thửa 19, 2554, tờ bản đồ số 3 (BĐ 299), tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và căn nhà ngói xưa diện tích 13m x 8m. Các tài sản khác trên đất bà không tranh chấp và không yêu cầu chia thừa kế.

Bị đơn bà Nguyễn Thị X trình bày: Quyền sử dụng đất bà R tranh chấp với bà có nguồn gốc là của mẹ bà (cụ Nguyễn Thị Nương) thừa hưởng của cha mẹ. Bà sống chung với cụ Nương, chăm sóc, nuôi dưỡng cụ Nương và xây dựng mồ mả, cúng giỗ ông bà nên cụ Nương đã giao toàn bộ quyền sử dụng đất có diện tích là 3.443m^2, thửa 173, tờ bản đồ 14, tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh cho bà kê khai,

đăng ký quyền sử dụng đất. Bà đã được Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với diện tích đất nêu trên vào ngày 29/12/1994. Nhà mà bà R tranh chấp là do bà và cụ Nương cùng nhau xây dựng (không xác định được đóng góp của mỗi người do ở chung nhà, làm kinh tế chung). Bà đã sử dụng ổn định từ lúc cụ Nương giao cho bà sử dụng cho đến nay, hiện nay bà và 01 người con gái của bà tên Nguyễn Thị Gh đang ở và quản lý nhà, đất. Nay bà không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu của bà Nguyễn Thị R.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn G thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ: Ông G là con ruột của ông Lâm Văn Đôn. Ông thống nhất với lời trình bày của bà R, Ông G yêu cầu phân chia thừa kế theo quy định của pháp luật đối với phần đất có diện tích 3.443m^2 , thửa 173, tờ bản đồ 14 (BĐ 2005), tương ứng các thửa 19, 2554, tờ bản đồ số 3 (BĐ 299), tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và căn nhà ngói xưa diện tích 13m x 8m. Ông yêu cầu được nhận kỷ phần của ông Đôn được chia nếu còn sống. Các tài sản khác trên đất ông G không tranh chấp và không yêu cầu chia thừa kế.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lâm Thị N thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ: Bà là con ruột của cụ Lâm Văn Nghé và cụ Nguyễn Thị Nương. Bà không tranh chấp và không yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Nương chết để lại. Trường hợp được phân chia bà không nhận kỷ phần thừa kế mà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị R thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ: Bà là con ruột của cụ Nguyễn Văn Bạch và cụ Nguyễn Thị Nương. Bà không tranh chấp và không yêu cầu phân chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Nương chết để lại. Trường hợp được phân chia bà không nhận kỷ phần thừa kế mà đề nghị Tòa án xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn R (R1), bà Nguyễn Thị B, ông Nguyễn Văn C, ông Nguyễn Văn Gi, bà Nguyễn Thị Th thể hiện lời trình bày có trong hồ sơ: Các ông bà là con ruột của cụ Nguyễn Văn Hải và cụ Nguyễn Thị Chàng. Các ông bà xác định diện tích đất 3.443m^2 , thửa 173, tờ bản đồ 14 (BĐ 2005), tương ứng các thửa 19, 2554, tờ bản đồ số 3 (BĐ 299), tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh và căn nhà ngói xưa diện tích 13m x 8m là tài sản riêng của cụ Nương không phải tài sản chung của cụ Nương và cụ Hải. Nay các ông bà không tranh chấp và không yêu cầu gì trong vụ án bà R tranh chấp tài sản thừa kế với bà X.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan chị Nguyễn Thị Gh trình bày: Chị là con ruột của bà Nguyễn Thị X. Hiện nay chị đang sống chung với bà X. Tài sản bà R tranh chấp với bà X là tài sản của bà X được thừa hưởng từ cụ Nương. Trong vụ án bà R tranh chấp tài sản thừa kế với bà X chị không tranh chấp và không có bất cứ yêu cầu gì.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng:

Về tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng theo quy định của pháp luật Tố tụng dân sự. Vụ án không có vi phạm tố tụng.

Về nội dung vụ án: Căn cứ các Điều 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự 2015; Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Nghị quyết 02/2004/NQ-HĐTP ngày 10/8/2004; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội; đề nghị Hội đồng xét xử xem xét quyết định:

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R về "Tranh chấp thừa kế tài sản" đối với bà Nguyễn Thị X.

Chia thừa kế theo pháp luật đối với ½ giá trị căn nhà cấp 4 (nhà chữ đinh xưa), mái ngói, tường tô, nền gạch tàu, không la phông, diện tích 13m x 8m cho bà R, bà X, ông G.

2. Về án phí: Các đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm dân sự theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa; ý kiến của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] *Về tố tụng*: Ông R, bà B, bà N, bà R, ông C, ông Gi, bà Th vắng mặt nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Ông G vắng mặt không có lý do, Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự trên là phù hợp với quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về thời hiệu khởi kiện: Cụ Nguyễn Thị Nương, chết năm 2016. Thời hiệu tính theo Bộ luật Dân sự 2015, yêu cầu chia di sản đối với bất động sản là 30 năm. Như vậy, thời hiệu khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế của cụ Nương vẫn còn.

[2.2] Về hàng thừa kế: Cụ Nương có tổng cộng 06 người con gồm: Bà Lâm Thị N, ông Lâm Văn Đôn (đã chết, có vợ là bà Nguyễn Thị Cở, đã chết, ông Đôn và bà Cở có 01 người con chung là ông Nguyễn Văn G), bà Nguyễn Thị R và ông Nguyễn Văn Hải (Xà), đã chết, không có vợ con; bà Nguyễn Thị R và bà Nguyễn Thị X. Cụ Nương không có con nuôi. Như vậy, những người thừa kế của cụ Nương gồm: Bà N, ông G (thừa kế thế vị của ông Đôn), bà R, bà R, bà X.

[2.3] Về xác định di sản:

Diện tích đất tranh chấp 3.443m^2 , thửa 173, tờ bản đồ 14 (BĐ 2005), tương ứng các thửa 19, 2554, tờ bản đồ số 3 (BĐ 299), tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, đất do bà Nguyễn Thị X đứng tên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Ủy ban nhân dân thị xã Trảng Bàng cấp ngày 29/12/1994, số vào sổ cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 02363 QSDĐ/I10. Nguồn gốc đất là của cha mẹ cụ Nương chết để lại cho cụ Nương. Bà X sống chung với cụ Nương, cả hai đã sử dụng ổn định, lâu dài, khi Nhà nước có chính sách cho người dân kê khai, đăng ký quyền sử dụng đất thì bà X đã kê khai đăng ký quyền sử dụng đất và đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Thời điểm bà X được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thì cụ Nương vẫn còn sống, cụ Nương không có ý kiến phản đối hay ngăn cản. Kể cả khi ông Nguyễn Văn Xẹt (Người sử dụng đất liền kề) đăng ký nhầm thửa đất với bà X thì cũng đã được điều chỉnh cụ Nương cũng không có ý kiến. Như vậy, diện tích đất 3.443m^2 , thửa 173, tờ bản đồ 14 là tài sản của bà X, không phải di sản thừa kế của cụ Nương chết để lại chưa chia.

Căn nhà ngói xưa (diện tích 13m x 8m), qua xác minh, thu thập chứng cứ xác định là do cụ Nương và bà X cùng nhau xây dựng nhưng không xác định được đóng góp của mỗi người là bao nhiêu do đó cần xác định mỗi người đóng góp ½ chi phí xây dựng nhà. Di sản thừa kế của cụ Nương chết lại được xác định là 100.776.000 đồng/2= 50.388.000 đồng.

Từ những căn cứ trên xét thấy cần chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị R đối với bà Nguyễn Thị X. Chia di sản thừa kế của cụ Nương chết để lại là ½ căn nhà tường cấp 4, lợp ngói xưa, trị giá 50.388.000 đồng. Do nhà được xây dựng trên đất của bà X nên cần giao bà X được quyền tiếp tục sở hữu, bà X có nghĩa vụ thanh toán giá trị tài sản thừa kế cho các đồng thừa kế còn lại của cụ Nương gồm: Bà N, bà R, ông G, bà R. Do bà R, bà N từ chối nhận di sản của cụ Nương và việc từ chối là tự nguyện, không nhằm mục đích trốn tránh nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác nên di sản của cụ Nương được chia cho các đồng thừa kế còn lại của cụ Nương gồm bà R, bà X và ông G, mỗi người được hưởng kỷ phần bằng nhau là 50.388.000 /3= 16.796.000 đồng. Bà X có nghĩa vụ thanh toán lại cho bà R và ông G mỗi người số tiền là 16.796.000 đồng.

[2.4] Đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thị xã Trảng Bàng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm: Theo quy định tại các Điều 12, 14, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà R, bà X và ông G phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch đối với kỷ phần thừa kế được nhận. Bà R, bà X là người cao tuổi, có đơn xin miễn án phí dân sự sơ thẩm nên được xem xét miễn án phí dân sự sơ thẩm.

[4] Chi phí tố tụng: Các đương sự phải chịu chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản tương ứng với giá trị tài sản được chia thừa kế. Tổng chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản là 7.000.000 đồng, bà R đã nộp tạm ứng. Bà X, ông G mỗi người có nghĩa vụ phải hoàn trả lại cho bà R 1/3 chi phí là 2.333.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 612, 613, 620, 623, 649, 650, 651, 652 Bộ luật Dân sự; Các Điều 12, 14, 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện tranh chấp về thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị R đối với bà Nguyễn Thị X.

Chia di sản thừa kế của cụ Nguyễn Thị Nương chết để lại như sau:

1.1. Bà Nguyễn Thị X được quyền tiếp tục sở hữu căn nhà tường, cấp 4, lợp ngói, diện tích 104m^2 (13m x 8m), được xây dựng trên thửa đất số thửa 173, tờ bản đồ 14 (BĐ 2005), tương ứng các thửa 19, 2554, tờ bản đồ số 3 (BĐ 299), tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

1.2. Bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị R số tiền 16.796.000 (Mười sáu triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn) đồng.

1.3. Bà Nguyễn Thị X có nghĩa vụ phải thanh toán cho ông Nguyễn Văn G số tiền 16.796.000 (Mười sáu triệu bảy trăm chín mươi sáu nghìn) đồng.

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị R tranh chấp về thừa kế tài sản của bà Nguyễn Thị R đối với bà Nguyễn Thị X, đối với diện tích đất 3.443m^2, thửa 173, tờ bản đồ 14 (BĐ 2005), tương ứng các thửa 19, 2554, tờ bản đồ số 3 (BĐ 299), tại khu phố An Thới, phường An Tịnh, thị xã Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh, loại đất: Đất ở đô thị (ODT) và đất trồng cây hàng năm khác (HNK). Đất có tứ cận: Đông giáp đất ông Liêm dài 32,33m + 18,36m + 0,8m; tây giáp đất ông Trừ dài 50,29m; nam giáp đất ông Phường dài 64,90m; bắc giáp đất ông Liêm dài 1,49m + 1,52m + 67,46m. (Có sơ đồ hiện tR sử dụng đất kèm theo).

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho bà Nguyễn Thị R, bà Nguyễn Thị X.
- Ông Nguyễn Văn G phải chịu 839.800 (Tám trăm ba mươi chín nghìn tám trăm) đồng.

4. Chi phí đo đạc, xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá tài sản: 7.000.000 (Bảy triệu) đồng, bà R đã nộp tạm ứng. Bà X và ông G mỗi người có nghĩa vụ phải hoàn trả lại cho bà R số tiền 2.333.000 (Hai triệu ba trăm ba mươi ba nghìn) đồng.

5. Quyền kháng cáo.

- Bà R, bà X, chị Ghe được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

- Ông R, bà B, bà N, bà R, ông C, ông Gi, bà Th và ông G được quyền kháng cáo bản án lên Tòa án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

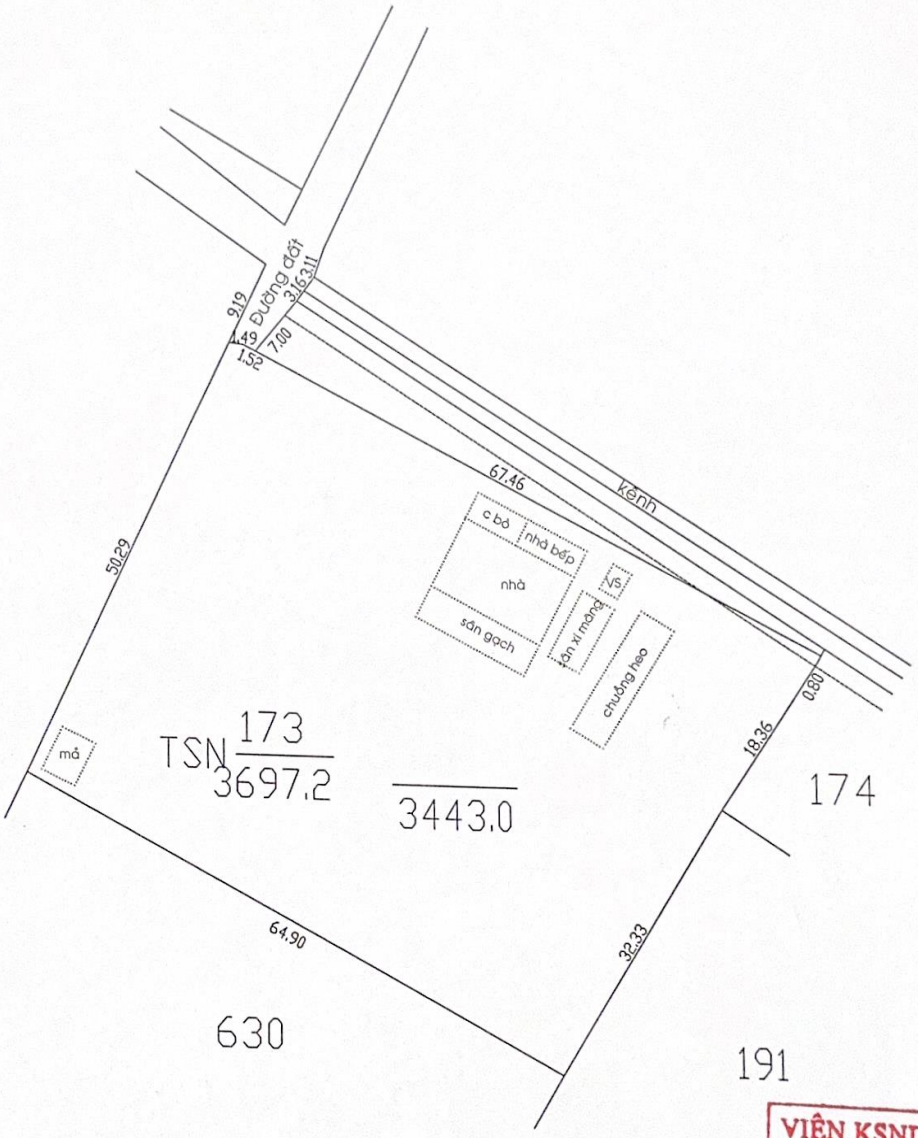
Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:
- *Đương sự;*
- *VKSND TX. Trảng Bàng;*
- *Chi cục THADS TX. Trảng Bàng;*
- *TAND tỉnh Tây Ninh;*
- *Lưu VT, hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Tài

KẾT QUẢ ĐO ĐẠC ÁP LÊN BẢN ĐỒ ĐỊA CHÍNH



Bà Rạng tranh chấp với bà Xạn thửa trong 173 bản đồ 14 (BĐ 2005)
thửa 19, 2554 bản đồ 03 (BĐ 299)

VIỆN KSND TỈNH TÂY NI
VIỆN KSND THỊ XÃ TRẢNG BÀ
Nhận hồ sơ ngày...../...../ 20
Số bút lục:.....

Kp An Thới, phường An Tịnh
Diện tích:3443m2
Loại đất :ODT+HNK

Ghi chú:
Ranh hiện trạng: _____
Ranh bản đồ: .....

Ngày 07 tháng 4 năm 2023
Người vẽ

Nguyễn Thanh Hoàng

Ngày 07 tháng 4 năm 2023
GIÁM ĐỐC

VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI TỈNH TÂY NINH - CHI NHÁNH TRẢNG BÀNG

Hoàng Văn Phúc

Phòng TNMT

Nguyễn Xuân Lâm